

Xây dựng bộ chỉ số các công ty niêm yết thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam

TS. VŨ ĐỨC NGHĨA

Bài báo thể hiện cái nhìn tổng quan về các cổ phiếu của các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam sở hữu hoặc có lượng lớn cổ phiếu được nắm giữ bởi công ty con hoặc đơn vị thành viên của Tập đoàn, gọi tắt là các công ty thuộc Tập đoàn. Xây dựng bộ chỉ số EVN-Index làm thước đo diễn biến giá các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực niêm yết trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam, làm căn cứ theo dõi, quản lý các danh mục đầu tư vào Tập đoàn Điện lực và làm công cụ đầu tư hiệu quả.

Ngoài ra, bài viết góp phần quảng bá bộ chỉ số EVN-Index trên thị trường Việt Nam và quốc tế nhằm nâng cao hình ảnh của Tập đoàn Điện lực và các công ty thuộc tập đoàn, qua đó thu hút đầu tư từ bên ngoài.

Từ khóa: *Tập đoàn Điện lực, chỉ số, chứng khoán.*

1. Giới thiệu

Hiện tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam có nhiều doanh nghiệp kinh doanh, sản xuất điện đã tham gia niêm yết trên TTCK, tuy nhiên chưa có thước đo chung cho diễn biến biến động giá dành cho các doanh nghiệp này, dẫn tới thiếu căn cứ theo dõi, quản lý về biến động giá của toàn thị trường và các danh mục đầu tư vào Tập đoàn Điện lực. Ở Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí là đơn vị tiên phong và là đơn vị duy nhất cho đến thời điểm hiện tại đã xây

dựng thành công bộ chỉ số riêng cho tập đoàn, và cho ngành Dầu khí nói chung. Bộ chỉ số PVN-Index được giới thiệu trên Cổng thông tin Bộ Chỉ số Chứng khoán Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam như sau: “Một kết quả quan trọng trong quá trình cổ phần hóa và tái cấu trúc thành công của PVN là gắn rất chặt chẽ với việc niêm yết trên TTCK. Từ mốc niêm yết đầu tiên của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (mã PVD trên sàn HSX) năm 2006, đến nay (2012), đã có trên 30 công ty thành viên của PVN được niêm yết trên các sàn, trung tâm giao dịch chứng khoán trong nước. Bộ chỉ số

chứng khoán cho các công ty thành viên PVN niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán (Bộ chỉ số PVN-Index), là một bước tiến nữa trong quá trình tái cấu trúc và nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp của cả Tập đoàn cũng như các công ty thành viên. Được chuẩn bị trong giai đoạn 2010-2011 và thể hiện qua nghị quyết triển khai số 5836/NQ-DKVN ký ngày 30/6/2011 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn, Bộ chỉ số PVN-Index được công bố vào Quý I/2012.”

Bài báo này giới thiệu bộ chỉ số EVN-Index trên thị trường Việt Nam và quốc tế nhằm nâng cao quảng bá hình ảnh của Tập đoàn Điện lực và các công ty thuộc tập đoàn, qua đó thu hút đầu tư từ bên ngoài.

Tương tự bộ chỉ số PVN-Index, bộ chỉ số EVN-Index được đề xuất trong bài báo này giúp đem đến cái nhìn vừa tổng quát vừa cụ thể về diễn biến giá chứng khoán của các công ty thành viên và liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ngoài những nét tương đồng, bộ chỉ số EVN-Index cũng có những sự khác biệt, bởi tập đoàn có những đặc thù kinh doanh khác với Tập đoàn Dầu khí, dẫn đến tiêu chí chọn lọc thành phần vào bộ chỉ số cũng



khác nhau, và cách phân chia các hệ chỉ số thành phần cũng khác nhau nhằm phản ánh đúng nhất đặc điểm kinh doanh riêng của tập đoàn, đem đến nhiều đóng góp ý nghĩa trong việc xây dựng Bộ chỉ số EVN-Index mang nét đặc sắc riêng và phục vụ tốt nhu cầu ứng dụng thực tế dành riêng cho Tập đoàn Điện lực.

2. Thực tế các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Tập đoàn Điện lực Việt Nam là một trong mười tập đoàn kinh tế Nhà nước lớn nhất ở Việt Nam, có vai trò trọng yếu, ảnh hưởng đến không chỉ nền kinh tế mà cả an ninh xã hội của quốc gia. Dòng điện, sản phẩm đại diện của Tập đoàn được coi là một

trong những nguồn lực thiết yếu, quan trọng đặc biệt của quốc gia. Do vậy, việc phát triển Tập đoàn Điện lực, phát huy tối ưu sứ mệnh, nguồn lực của Tập đoàn là một việc cấp thiết và có ý nghĩa lớn đối với quốc gia.

Tuy nhiên, việc quản lý Tập đoàn là một nhiệm vụ phức tạp. Theo Viện nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) thì “Khái niệm tập đoàn kinh tế được hiểu là một tổ hợp lớn các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động trong một hay nhiều ngành khác nhau, có quan hệ về vốn, tài chính, công nghệ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu và các liên kết khác xuất phát từ lợi ích của các bên tham gia. Trong mô hình này, “công ty mẹ” nắm quyền lãnh đạo, chi phối hoạt động của “công ty con” về tài chính và

chiến lược phát triển”. Như vậy, có thể đúc kết lại rằng quản lý tập đoàn chính là việc phân bổ nguồn lực tài chính phù hợp và kết nối chiến lược giữa một tập hợp nhiều công ty đa dạng nhưng có mối liên hệ với nhau. Tập đoàn Điện Lực có 9 công ty con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ, 8 công ty con do Tập đoàn nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc nắm quyền chi phối khác, 21 đơn vị trực thuộc, 6 công ty do Tập đoàn nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ. Các công ty, đơn vị thuộc Tập đoàn có ngành nghề kinh doanh đa dạng với mô hình quản lý đặc thù. Mỗi công ty con của Tập đoàn còn có thể có một tập hợp các công ty con nữa. Ví dụ, Tổng Công ty Phát điện 3 là một công ty con thuộc Tập đoàn, gọi tắt là EVNGenco3, gồm có 7 đơn vị

Bảng 1. Danh sách các công ty niêm yết thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam

STT	Mã CK	Tên công ty	Nơi niêm yết	Vốn cổ phần (VND)	Giá trị vốn hóa thị trường (VND)
1	VSH	CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	HSX	206.241.246.000	3.186.427.250.700
2	TBC	CTCP Thủy điện Thác Bà	HSX	63.500.000.000	1.524.000.000.000
3	HJS	CTCP Thủy điện Nậm Mu	HNX	20.999.900.000	335.998.400.000
4	SJD	CTCP Thủy điện Cần Đơn	HSX	45.999.150.000	1.343.175.180.000
5	KHP	CTCP Điện lực Khánh Hòa	HSX	41.551.296.000	464.595.033.600
6	PPC	CTCP Nhiệt điện Phả Lại	HSX	326.235.000.000	4.899.581.055.600
7	UIC	CTCP Đầu tư phát triển nhà và đô thị Idico	HSX	8.000.000.000	225.600.000.000
8	SEB	CTCP Đầu tư và phát triển điện Miền Trung	HNX	200.000.000.000	630.000.000.000
9	TMP	CTCP Thủy điện Thác Mơ	HSX	70.000.000.000	1.820.000.000.000
10	NBP	CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	HNX	128.655.000.000	209.707.650.000
11	TIC	CTCP Đầu tư điện Tây Nguyên	HSX	24.656.988.000	278.537.312.500
12	BTP	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	HSX	60.485.600.000	798.409.920.000
13	SBA	CTCP Sông Ba	HSX	60.488.261.000	681.258.140.300
14	DRL	CTCP Thủy điện- Điện lực 3	HSX	9.500.000.000	342.000.000.000
15	TV4	CTCP Tư vấn xây dựng điện 4	HNX	145.996.140.000	202.042.977.400
16	TV2	CTCP Tư vấn xây dựng điện 2	HNX	50.987.640.000	677.807.376.000
17	TV3	CTCP Tư vấn xây dựng điện 3	HNX	40.571.640.000	111.977.340.000
18	TV1	CTCP vấn xây dựng điện 1	HSX	26.691.319.000	411.046.312.600

Nguồn: HSX & HNX, giá trị ngày 07/11/2016



hạch toán phụ thuộc công ty mẹ, 3 công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, 6 công ty liên kết do công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ. Như vậy, số lượng các công ty nằm dưới sự quản lý của Tập đoàn có thể lên đến hơn 100 công ty.

Phạm vi bài viết bàn về các công ty thuộc Tập đoàn đã niêm yết trên TTCK Việt Nam, là những công ty có cổ đông lớn hoặc cổ đông chiến lược là các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (sau đây gọi là các công ty niêm yết thuộc Tập đoàn Điện lực).

Trên thị trường niêm yết của Việt Nam hiện nay có khoảng gần 20 công ty là doanh nghiệp thành viên hoặc doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Tổng vốn hóa thị trường của các công ty này khoảng 18 nghìn tỷ đồng (thời điểm cuối tháng 4/2016), chủ yếu là các công ty thuộc khối phát điện và khối tư vấn xây dựng điện (Bảng 1).

Tổng vốn cổ phần của các doanh nghiệp thành viên hoặc liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tính đến đầu tháng 11/2016 khoảng 1.500 tỷ, tổng giá trị vốn hóa thị trường của các doanh nghiệp này vào khoảng 18.000 tỷ. Các công ty tại Bảng 1 là các công ty thành viên hoặc liên kết của Tập đoàn Điện lực, và có thể được coi là một danh mục đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam trên sàn chứng khoán Việt Nam. Để theo dõi diễn biến và quản lý được danh mục các công ty này, rất cần thiết có một bộ chỉ số giúp đem đến thước đo vừa có chiều rộng vừa có chiều sâu về diễn

biến chung của các công ty này.

3. Xây dựng và áp dụng bộ chỉ số EVN-Index trên thị trường Việt Nam

Trong bài viết, tác giả đề xuất xây dựng một bộ chỉ số để quản lý danh mục các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam có cổ đông lớn hoặc cổ đông chiến lược là Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc công ty con, đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, ký hiệu: EVN-Index.

Bộ chỉ số EVN-Index được xây dựng trên phương pháp tiên tiến và ưu việt nhằm phản ánh đúng diễn biến thực chất của thị trường, đó là phương pháp tính chỉ số theo giá trị vốn hóa lưu động thị trường. Cách tính chỉ số theo phương pháp này được nhiều công ty chỉ số danh tiếng trên thế giới áp dụng vì tính đúng đắn, hiệu quả và giá trị sử dụng cao của nó. Trọng tâm của phương pháp này là loại bỏ những cổ phiếu có thanh khoản thấp khi tính toán số lượng cổ phiếu của doanh nghiệp được phát hành trên thị trường. Nhìn chung, phương pháp này giúp chỉ số trở thành thước đo chuẩn mực của thị trường và là cơ sở để xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số, bởi vì các nhà đầu tư thường không thể mua được những cổ phiếu được nắm giữ bởi nhà nước, cổ đông sáng lập, cổ đông nội bộ hay cổ đông chiến lược. Những chỉ số được xây dựng dựa trên phương pháp giá trị vốn hóa lưu động toàn thị trường ngày càng trở nên phổ biến. Trên thực tế, tất cả những bộ chỉ số nổi

tiếng toàn cầu như MSCI, FTSE, Dow Jones Global và S&P/Citigroup đều đã chuyển sang sử dụng phương pháp này.

Bộ chỉ số gồm một chỉ số tổng hợp và các chỉ số con được xây dựng dựa trên các tiêu chí về đầu tư, khối ngành kinh doanh đặc thù của các công ty... Chỉ số tổng hợp EVN-Index gồm tất cả các cổ phiếu có cổ đông lớn hoặc cổ đông chiến lược là công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Chỉ số thể hiện cái nhìn bao quát diễn biến chung của các cổ phiếu thuộc EVN-Index. Bên cạnh chỉ số tổng hợp, chỉ số EVN-Index top 10 bao gồm các cổ phiếu thành phần đáp ứng được các tiêu chí cần thiết, đáp ứng nhu cầu đầu tư như tính thanh khoản cao, vốn hóa thị trường lớn. Bộ chỉ số EVN-Index được tính theo sự biến động trung bình của giá cổ phiếu trên thị trường điều chỉnh theo tỉ lệ phần trăm các cổ phiếu được bán ra cho công chúng hay còn gọi là cổ phiếu được phép chuyển nhượng tự do.

Trước tiên, ta sẽ tính tỉ lệ phần trăm cổ phiếu được bán ra công chúng (IWF- Investable Weight Factors) theo công thức sau:

$$IWF = \text{Số cổ phiếu được bán ra cho công chúng} \times \text{Tổng số cổ phiếu phát hành}^{-1} = 100\% - \% \text{ cổ phiếu nhà nước nắm giữ} - \% \text{ cổ phiếu của các cổ đông sáng lập} - \% \text{ cổ phiếu của các nhà đầu tư chiến lược, các cổ đông nội bộ và các cổ phiếu khác thuộc diện không được phép mua bán chuyển nhượng tự do}$$

Sau đó, chỉ số index được điều chỉnh theo tỉ lệ phần trăm cổ phiếu được bán ra công chúng



với công thức sau: $Index = \sum_i P_i \times Q_i \times IWF_i \times Divisor^{-1}$

Trong đó:

P_i là giá thị trường của cổ phiếu i

Q_i là tổng số cổ phiếu phát hành

IWF_i là tỉ lệ phần trăm cổ phiếu

được bán ra công chúng

Divisor là số chia của index.

Divisor sẽ được điều chỉnh sao

cho các chỉ số thuộc bộ chỉ số

EVN-Index không bị ảnh hưởng

khi các công ty phát hành thêm

cổ phiếu, hoặc các công ty mới

được niêm yết hay rút ra khỏi

TTCK.

Cụ thể, bộ chỉ số gồm có các chỉ số sau:

Chỉ số tổng hợp EVN-Index: Đây là chỉ số tổng hợp có rổ thành phần gồm tất cả các mã chứng khoán của các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực. Chỉ số này thể hiện rõ bức tranh tổng quát về diễn biến giá chứng khoán của các công ty thuộc Tập đoàn.

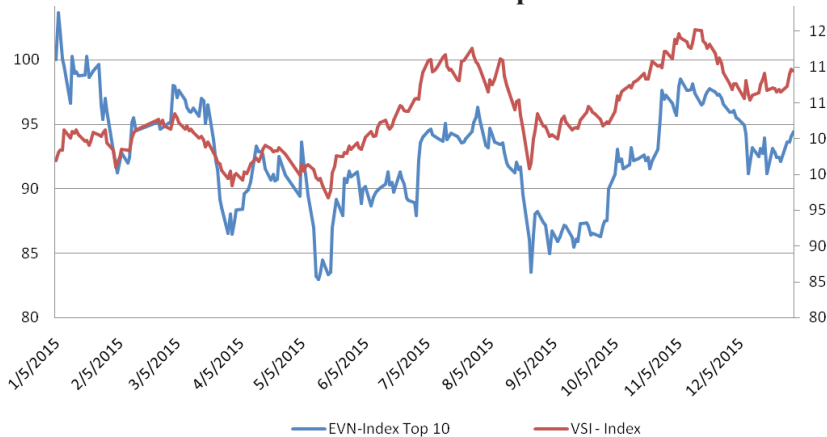
Chỉ số EVN-Index Top 10: Đây là chỉ số có rổ thành phần bao gồm 10 mã chứng khoán của 10 công ty hàng đầu trong Tập đoàn Điện lực xét trên tiêu chí về vốn hóa thị trường, tính thanh khoản, mức giá hợp lý và khả năng tăng trưởng. Các mã cổ phiếu thuộc top 10 được coi là những “blue chip” của Tập đoàn Điện lực. Rổ chỉ số có thể được dùng như một danh mục tham khảo hữu ích cho nhà đầu tư.

Chỉ số EVN-Index khối phát điện: Tương tự như các chỉ số ngành trên TTCK, chỉ số EVN-Index khối phát điện có rổ thành phần là các công ty thuộc khối phát điện của Tập đoàn Điện lực. Chỉ số phản ánh diễn biến giá chung của các chứng khoán thuộc khối phát điện.

Chỉ số EVN-Index khối xây dựng điện: Tương tự EVN-Index khối phát điện, chỉ số EVN-Index khối xây dựng điện có rổ thành phần là các chứng khoán của các công ty thuộc khối xây dựng điện của Tập đoàn Điện lực. Chỉ số phản ánh diễn biến giá chung của các chứng khoán thuộc khối xây dựng điện. Khối xây dựng điện và khối phát điện là hai khối lớn nhất thuộc Tập đoàn.

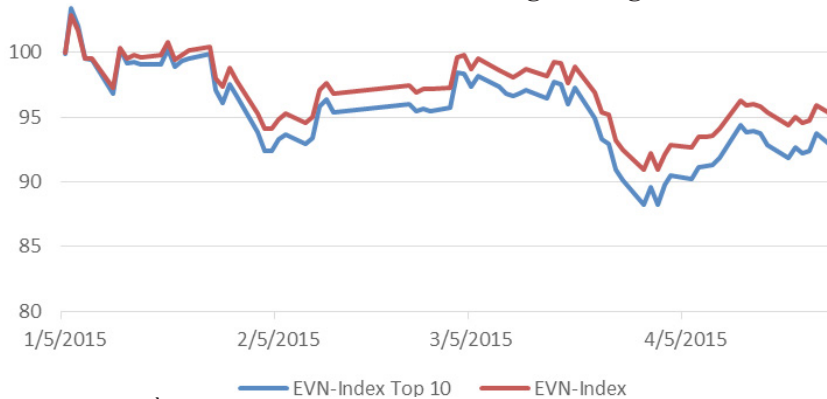
Dưới đây là biểu đồ chỉ số EVN-

Hình 1. Chỉ số EVN-Index Top 10 năm 2015



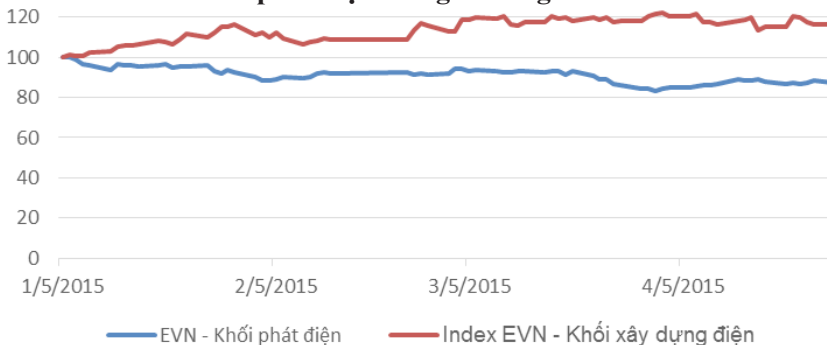
Nguồn: Tư liệu tính toán của tác giả dựa trên dữ liệu từ HSX và HNX

Hình 2. Diễn biến chỉ số EVN-Index trong 4 tháng đầu năm 2015



Nguồn: Tư liệu tính toán của tác giả dựa trên dữ liệu từ HSX và HNX

Hình 3. Diễn biến chỉ số EVN-Index Khối xây dựng điện và EVN-Index Khối phát điện trong 4 tháng đầu năm 2015



Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên dữ liệu từ HSX và HNX



Index Top 10 thể hiện diễn biến chỉ số trong năm 2015 (Hình 1). Hình 1 cho thấy, chỉ số EVN-Index Top 10 có xu hướng khá tương đồng với VSI Index, nhưng mức độ tăng và giảm của chỉ số EVN-Index thường lớn hơn so với mức độ tăng hoặc giảm của chỉ số VSI Index. Nói cách khác, trong nhiều trường hợp khi thị trường tăng, các cổ phiếu thuộc EVN-Index có xu hướng tăng mạnh hơn mức tăng trung bình của thị trường, tương tự khi thị trường giảm. Phân tích dưới đây mô tả một trong số nhiều ứng dụng của bộ chỉ số trong việc theo dõi, quan sát, đưa ra các đánh giá có ích dựa trên bộ chỉ số EVN-Index. Hình 2 thể hiện diễn biến các chỉ số thuộc bộ chỉ số EVN-Index trong 4 tháng đầu năm 2015.

Hình 3 cho thấy chỉ số Index EVN- khối xây dựng điện (chỉ số các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực và khối xây dựng điện) có sự tăng trưởng vượt trội và gần như có diễn biến giá trái ngược với chỉ số EVN- khối phát điện tại thời điểm 4 tháng đầu năm 2015. Các công ty thuộc nhóm này đã có kết quả hoạt động tốt trong năm 2014 và 2015. Cụ thể, khối xây dựng điện có mức tăng trưởng doanh thu theo chiều hướng tích cực trong hai năm 2014 và 2015, với mức tăng doanh thu chung của cả khối đạt 93,16% trong năm 2015 so với năm 2014. Đó là cơ sở cho sự gia tăng giá chứng khoán của các công ty thuộc khối xây dựng điện này trong thời điểm đầu năm 2015.

4. Kết luận

Bộ chỉ số EVN-Index thể hiện rõ tính ưu việt bằng việc phản ánh đúng thực tế diễn biến của các cổ phiếu thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, đem đến thước đo đánh giá chung cho các cổ phiếu trong bộ chỉ số. Đồng thời, bộ chỉ số cung cấp công cụ hữu ích cho việc theo dõi, quản lý danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn. Bộ chỉ số PVN-Index đang được duy trì bởi Tập đoàn Dầu khí và bộ chỉ số EVN-Index được đề xuất trong bài báo này hiện tại đang là hai bộ chỉ số dành cho tập đoàn đầu tiên ở Việt Nam, góp phần cung cấp công cụ hỗ trợ cho việc quản lý tài chính Tập đoàn của nhà nước, nâng cao hơn nữa tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn nói chung.

xem tiếp trang 71

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo thường niên của Tập đoàn Điện lực năm 2013, 2014, 2015.
2. Công thông tin Bộ Chỉ số Chứng khoán Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, "Giới thiệu về Bộ Chỉ số PVN-Index".
3. Steven A. Schoenfeld, "Active Index Investing- Maximizing Portfolio Performance and Minimizing Risk through Global Index Strategies", Wiley Finance.
4. Vũ Đức Nghĩa, "Cần có một chỉ số chung cho thị trường cổ phiếu Việt Nam", Tạp chí Ngân hàng, Số 19/2007 ngày 13/10/2007.
5. Vũ Đức Nghĩa, "Giải pháp phòng chống "đỡ giá" của nhà đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam", Tạp chí Khoa học & Đào tạo ngân hàng, Số 107/tháng 4/2011.

SUMMARY

Construction of indices of Vietnam electricity corporation's subsidiaries listed in Vietnam (EVN- Index)

The article represents an overview of the stocks of companies listed on the Vietnam's stock market, owned by Vietnam Electricity Group or held by the subsidiaries or affiliates member of the Group, so called the companies of the Group. Construction of EVN Indices as a measure of price movements of the companies belonging to the Electricity Group listed on Vietnam's stock market, as a basis to monitor and manage the portfolio related to Electric Power Corporation and to create effective investment tool.

In addition, the article contributed to the promotion of EVN- Index on domestic and international market in order to improve the image of the Group and the companies belonging to the Group, thereby attracting investment from outside.

Key word: stock, Electric Power Corporation, indices.

Nghĩa Đức Vu, PhD.

Working Organization: Woori CBV Securities Company.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Vũ Đức Nghĩa, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế, tài chính

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng

Email: nghĩa.vu@wooricbv.com



9. Cronqvist, H., F. Heyman, M. Nilsson, H. Svaleryd, and J. Vlachos, 2009, *Do entrenched managers pay their workers more?* *Journal of Finance*, LXIV(1), 1-32.
10. Grossman, SJ & Hart, OD 1982, 'Corporate financial structure and managerial incentives', in *The economics of information and uncertainty*, University of Chicago Press.
11. Hovakimian, A., Li, G., 2011. *Large Sample Evidence on Capital Structure and Employee Wages*. Working Paper, Baruch College
12. Jensen, MC & Meckling, WH 1976, 'Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs and ownership structure', *Journal of Financial Economics*, vol. 3, no. 4, pp. 305-360.
13. Jensen, MC 1986, 'Agency costs of free cash flow, corporate finance and takeovers', *American Economic Review*, vol. 76, no. 2, pp. 323-330.
14. Maksimovic, V., Titman, S., 1991. *Financial policy and reputation for product quality*. *Rev. Finan. Stud.* 4, 175-200.
15. Michelacci, C., Quadri, V., 2009. *Financial markets and wages*. *Rev. Econ. Stud.* 76, 795-827.
16. Myers, S 1977, 'Determinants of corporate borrowing', *Journal of Financial Economics*, vol. 5, no. 2, pp. 147-175.
17. Ofek, E., 1993, *Capital structure and firm response to poor performance: An empirical analysis*. *Journal of financial economics*, 34(1), 3-30.
18. Pandey, IM 2001, *Capital structure and the firm characteristics: Evidence from an emerging market*, Working paper, Indian Institute of Management Ahmedabad, Research and Publication Department.
19. Titman, S., 1984. *The effect of capital structure on a firm's liquidation decision*. *J. Finan. Econ.* 13, 1-19.

SUMMARY

The effect of financial leverage on labor cost in Southeast Asian Countries

The study investigates the impact of financial leverage on labor cost in Southeast Asian firms in the period from 2009 to 2015. Various approaches including pooled ordinary least square (OLS), random effect (RE), fixed effect (FE) and system GMM regressions are applied to analyze data. The research findings indicate that there is a negative relation between financial leverage and labor cost. This result supports agency theory as well as financial distress predictions.

Key words: Financial leverage, labor cost, Southeast Asian countries.

Vy Thi Phuong Le, PhD.

Nguyet Thi Bich Phan, Assoc. Prof. PhD.

Working Organization: University of Economics Hochiminh city.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Lê Thị Phương Vy, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính, đầu tư

Email: phuongvyqt@ueh.edu.vn

Phan Thị Bích Nguyệt, Phó Giáo sư, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính, đầu tư

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp Chí Phát Triển Kinh Tế, Australian Economic papers (ISI, Scopus Q2, B); Corporate ownership and control (Scopus Q3, B); IUP Journal of Corporate Governance

Email: nguyetcdn@ueh.edu.vn

tiếp theo trang 62

Bộ chỉ số không chỉ có ý nghĩa đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, mà còn cung cấp thông tin rất hữu ích cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân. Các nhà đầu tư có thể dùng bộ chỉ số như một hệ thống thông tin tham khảo hữu ích và tin cậy trong việc đưa ra quyết định đầu tư.

Bộ chỉ số sẽ càng có giá trị hơn nữa nếu được xây dựng bởi một hệ thống phần mềm đáp ứng việc cung cấp dữ liệu chỉ số real-time kịp thời và lưu trữ dữ liệu quá khứ, tạo thành hệ thống cơ sở dữ liệu quan trọng trong quản lý tài chính, ra quyết định đầu tư, tương tự như các chỉ số chứng khoán đang được

áp dụng rộng rãi trên hai sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam. ■

tiếp theo trang 57

nên phối hợp với Hội KTV hành nghề VACPA và các trường đại học để cung cấp cho các trợ lý kiểm toán và KTV kiến thức chuyên sâu về hoạt động ngân hàng. Các CTKT nên có qui định thời gian đào tạo tối thiểu về hoạt động ngân hàng và kiểm toán ngân hàng mà các KTV và trợ lý kiểm toán phải thực hiện hàng năm để có thể tham gia các cuộc kiểm toán. Các CTKT cũng cần chú trọng đến tỷ lệ Partner/KTV/trợ lý cũng vì đây là yếu tố ảnh hưởng chất lượng hoạt động và quy mô CTKT. ■